

Bản án số: 47/2024/HS-ST
Ngày 01-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lực;
- Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an thành phố D xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996 tại tỉnh An Giang; thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970 và bà Trần Thị L, sinh năm 1968 (đã chết); bị cáo có 01 em ruột; tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 21/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/3/2019, đóng án phí ngày 22/3/2022;

- Ngày 04/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/2021, chưa đóng án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 01/11/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: anh Lê Thanh K, sinh năm 1994; thường trú: 08/8, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992; thường trú: ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: F B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Hà Thị Uyên T2, sinh năm 1969; thường trú: 08/8, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn T đến nhà anh Lê Thanh K tại: số H, đường H, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương chơi và ngủ lại. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 29/10/2023, bị cáo T thấy anh K đang ngủ say, dưới phòng bếp nhà anh K có dựng một chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha loại Sirius màu trắng đen, biển kiểm soát: 61D1 - 393.86. Lúc này bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe, nên lén lút lấy chìa khóa xe để trên bàn, cắm vào xe, dắt ra khỏi nhà và điều khiển xe gắn máy trên đi về chỗ ở của cha bị cáo T ở thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, anh K phát hiện bị mất xe nên đã gọi điện hỏi bị cáo T và bị cáo T thừa nhận có lấy xe, anh K yêu cầu bị cáo T mang xe về trả.

Khoảng trưa ngày 29/10/2023, bị cáo T điều khiển xe đến tiệm Internet gần cây xăng F, phường T, thành phố D, tỉnh Dương để chơi. Khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, bị cáo T đem bán chiếc xe chiếm đoạt trên với giá 2.100.000 đồng cho tiệm sửa xe địa chỉ tại số F đường B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, do anh Nguyễn Tấn Đ làm chủ. Khi mua xe, anh Đ có hỏi bị cáo T về giấy tờ xe thì bị cáo T nói làm mất và đang cần tiền đưa bạn gái đi khám thai nên mới bán xe. Anh Đ tin là thật nên đồng ý mua.

Sau khi bán được xe, bị cáo T lấy tiền bán xe đưa bạn gái đi khám thai và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/11/2023, anh Lê Thanh K trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D về việc bị cáo T có hành vi chiếm đoạt chiếc xe. Và bị cáo T đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng đen biển số 61D1-393.86, số khung RLCS5C6K0PY005205, số máy 5C6K005199, do ông Lê Chí H, đã chết (chồng của bà Hà Thị Uyên T2 và là cha của anh Lê Thanh K) đứng tên sở hữu.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1053, số IMEL, gắn sim số 0947.896.574, màu xanh đen thuộc sở hữu của bị cáo T.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 194/KLĐG-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố D, kết luận: xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng đen biển số 61D1-393.86, số khung: RLCS5C6K0PY005205, số máy 5C6K005199 trị giá 5.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 194/KLĐG-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố D.

Đối với anh Nguyễn Tấn Đ khi mua xe của bị cáo T không biết xe do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xem xét, xử lý.

Tại cáo trạng số: 46/CT-VKS-DA ngày 11 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng đen biển số 61D1 – 393.86, số khung RLCS5C6K0PY005205, số máy 5C6K005199, do ông Lê Chí H đứng tên sở hữu. Ông H đã chết. Bà T quản lý chiếc xe và bà đưa cho anh K sử dụng làm phương tiện đi lại. Hiện chiếc xe trên đang là phương tiện phạm tội trong một vụ án hình sự khác. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục quản lý tang vật để phục vụ cho quá trình điều tra.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1053, số IMEL, gắn sim số 0947.896.574, màu xanh đen thuộc sở hữu của bị cáo T. Đây là phương tiện bị cáo T sử dụng để liên lạc với anh Nguyễn Tấn Đ nhằm chuộc lại xe, vật chứng này không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Do vậy đề nghị trả lại cho bị can T.

* Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Tấn Đ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.100.000 đồng, đây là ý chí tự nguyện của anh Đ nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: khoảng 08 giờ sáng ngày 29/10/2023 tại số H, đường H, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng đen biển số 61D1-393.86, số khung RLCS5C6K0PY005205, số máy 5C6K005199 do anh Lê Thanh K quản lý, sử dụng có trị giá 5.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại có trị giá 5.500.000 đồng, đồng thời bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm nên đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 46/CT-VKS-DA ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo có tiền án chưa được xóa, đã nhiều lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt: xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo có tiền án chưa được xóa, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo

thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Xét 01 (một) xe nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng đen biển số 61D1-393.86, số khung RLCS5C6K0PY005205, số máy 5C6K005199, do ông Lê Chí H đứng tên sở hữu. Ông H đã chết. Bà Hà Thị Uyên T2 là vợ ông H và là mẹ của bị hại giao chiếc xe cho bị hại quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại. Hiện chiếc xe trên đang là phương tiện phạm tội trong một vụ án hình sự khác. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục quản lý tang vật để phục vụ cho quá trình điều tra. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Xét 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1053, số IMEL, gắn sim số 0947.896.574, màu xanh đen của bị cáo T. Đây là phương tiện bị cáo T sử dụng để liên lạc với anh Nguyễn Tấn Đ nhằm chuộc lại xe, nên không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: đối với số tiền 2.100.000 đồng, anh Nguyễn Tấn Đ đưa cho bị cáo T khi bị cáo T đến bán xe do bị cáo chiếm đoạt. Bị cáo chưa trả lại cho anh Đ. Anh Đ không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền này. Xét đây là ý chí tự nguyện của anh Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét, giải quyết.

[10] Đối với anh Nguyễn Tấn Đ khi mua xe của bị cáo T không biết xe do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xem xét, xử lý.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA-1053, số IMEL, gắn sim số 0947.896.574, màu xanh đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy